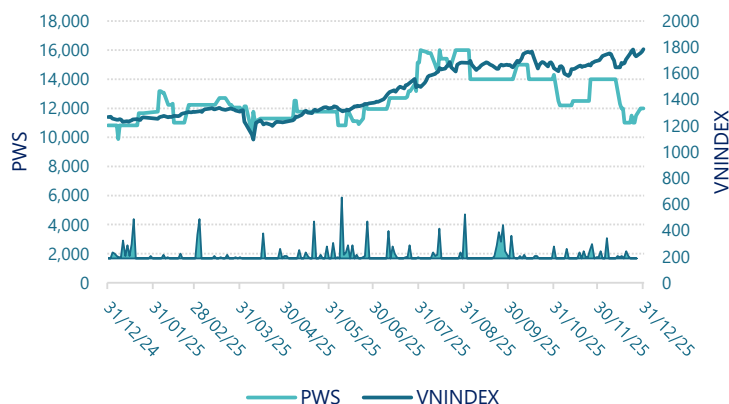


CTCP Cấp thoát nước Phú Yên (UPCOM: PWS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,879
SL cổ phiếu LH	38,363,579
KLGD BQ 20 phiên (CP)	440
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	460
P/E	17.5
EPS	684

DT thuần

Q4/25

31.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.90 | -13.3%

YoY: ▼0.40 | -1.2%

LN sau thuế

Q4/25

8.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▲1.61 | 22.4%

YoY: ▲1.78 | 25.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

23.6%

+/- YoY: ▼9.2%

DT thuần

2025

134

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.00 | -2.1%

LN sau thuế

2025

26.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.5 | -32.3%

ROE

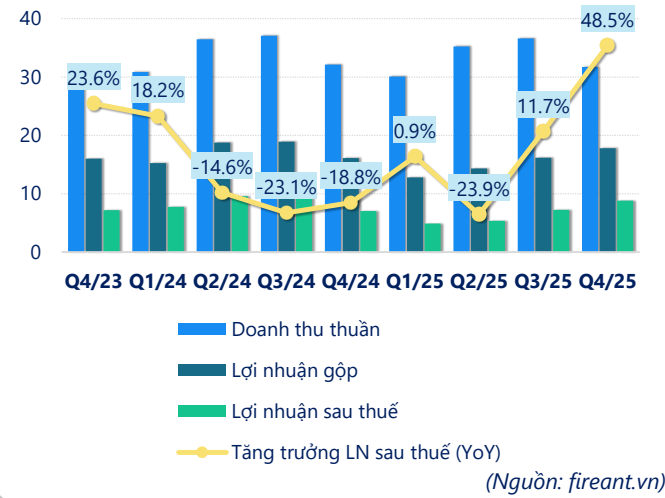
2025

6.0%

+/- YoY: ▼2.8%

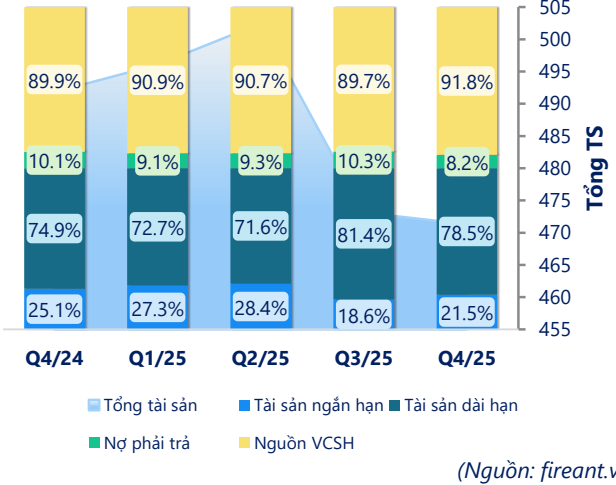
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

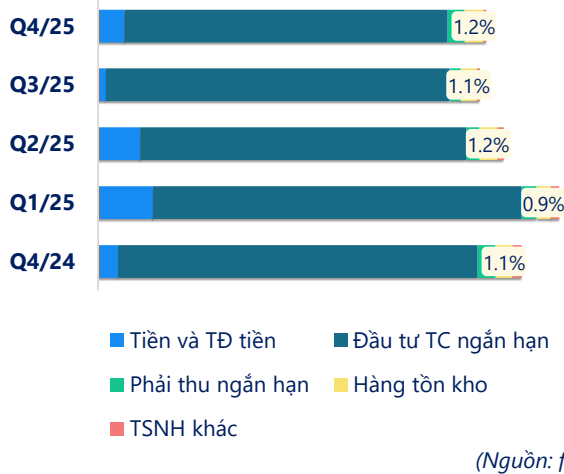


Cơ cấu Tổng tài sản

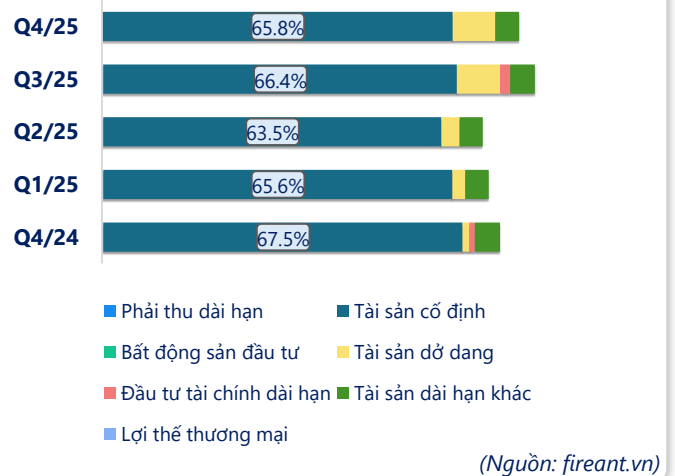
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

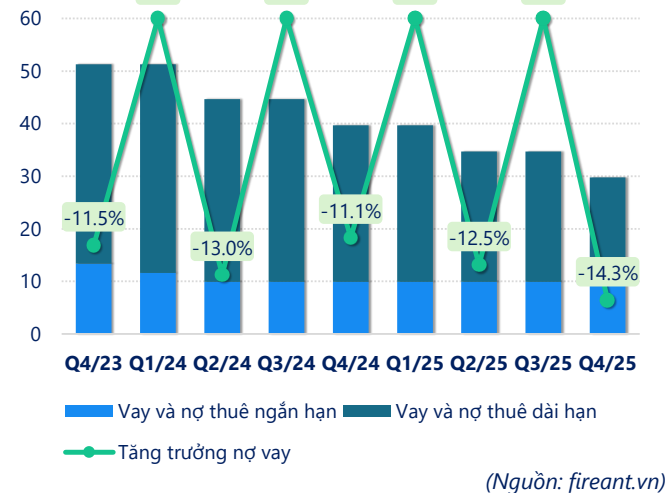


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



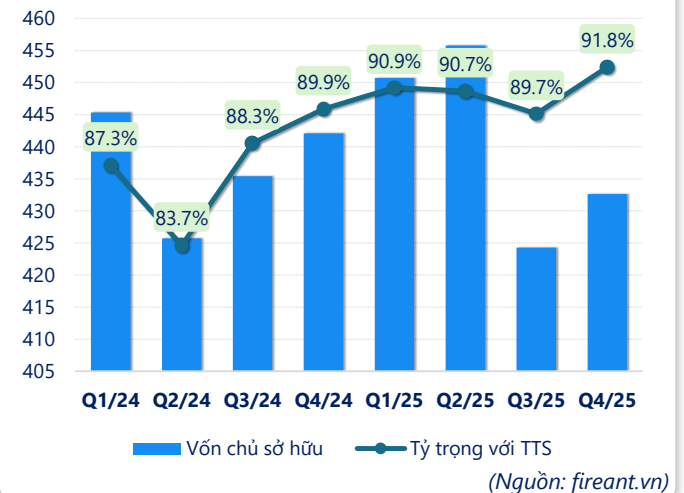
tỷ VNĐ

Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

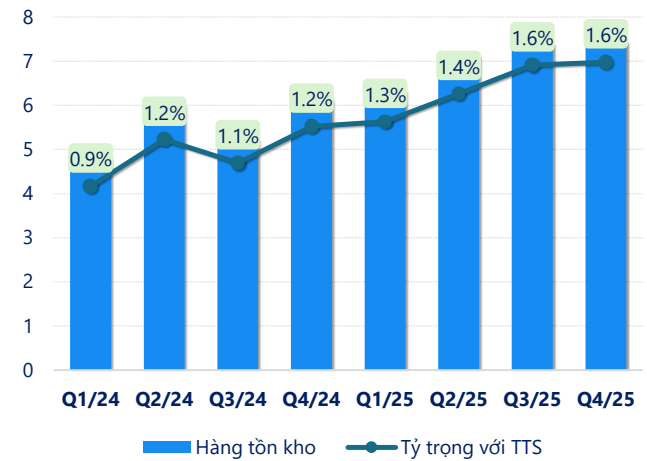


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

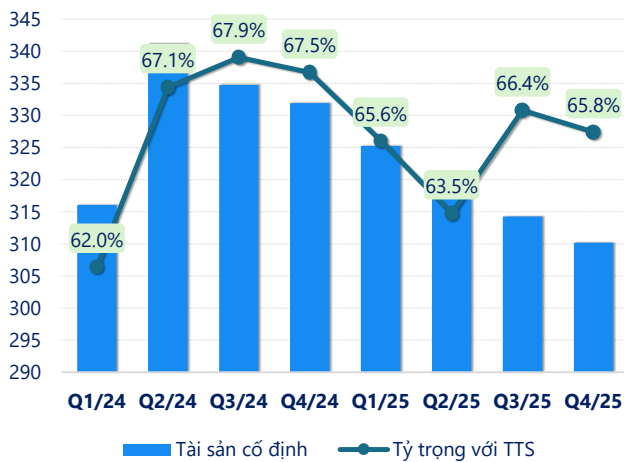

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


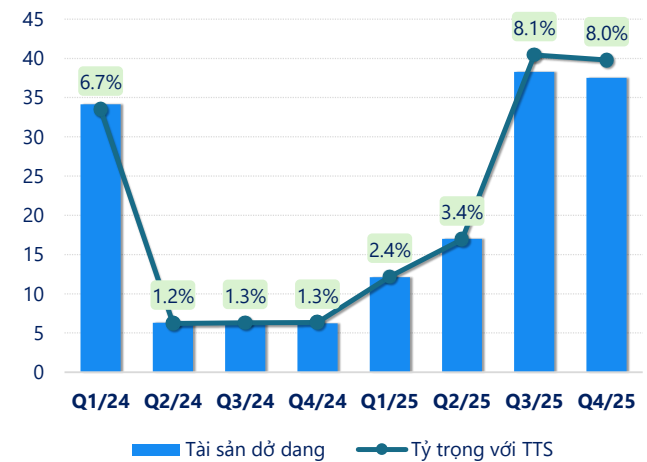
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

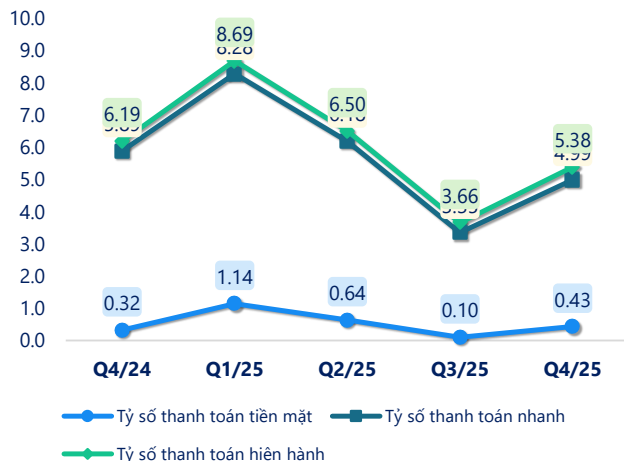
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

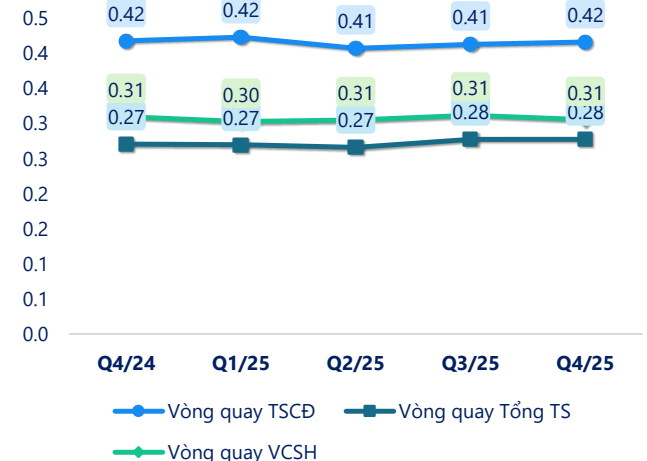
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	492	496	502	473	471
Tài sản ngắn hạn	124	135	143	88.0	102
Tiền và tương đương tiền	6.38	17.8	13.9	2.40	8.15
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	107	104	65.8	74.3
Phải thu ngắn hạn	5.65	4.48	17.9	11.4	11.2
Hàng tồn kho	6.11	6.28	7.08	7.35	7.40
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	0.34	0.15	0.98	0.45
Tài sản dài hạn	368	361	360	385	370
Phải thu dài hạn	1.65	1.65	1.65	1.65	0.83
Tài sản cố định	332	325	319	314	310
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.23	12.1	17.0	38.3	37.5
Đầu tư tài chính dài hạn	5.00	0	0	9.00	0
Tài sản dài hạn khác	23.4	21.7	22.2	22.0	21.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	49.7	45.3	46.7	48.9	38.7
Nợ ngắn hạn	20.0	15.6	21.9	24.1	18.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.92	9.92	9.92	9.92	9.92
Phải trả người bán ngắn hạn	2.88	0.77	5.06	1.69	2.40
Nợ dài hạn	29.8	29.8	24.8	24.8	19.8
Vay và nợ thuê dài hạn	29.8	29.8	24.8	24.8	19.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	442	451	456	424	433
Vốn chủ sở hữu	442	451	456	424	433
Vốn điều lệ	384	384	384	384	384
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)